

Bản án số: 01 /2023/HNGĐ-ST
Ngày : 23/3/2023
Về yêu cầu ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Ông Xa Kỳ Tiến
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Dần, ông Đinh Trọng Huệ
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Đào Thị Thanh Huyền
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà:* Ông Lương Tiến Long - *Kiểm sát viên.*

Ngày tháng năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đà Bắc.

Mở phiên toà xét xử sơ thẩm C khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2022 về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Quý H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ x, phường TB, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Văn C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm T, xã TT, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đinh Thị Quyển, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai của chị Đinh Thị Quý H thì: Chị Đinh Thị Quý H và anh Hà Văn C kết hôn với nhau năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường TB, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, hôn nhân do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau, nhưng đến khoảng cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C hay tụ tập uống rượu say, cờ bạc, có quan hệ trai gái, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi chơi qua đêm không về, đến cuối năm 2019, đầu năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, hai bên đã ly thân từ đó đến nay. Vì thấy tình cảm vợ chồng không

còn, không thể hòa hợp và tiếp tục chung sống nên chị H yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh C có một con chung là HM, sinh ngày 23/7/2016, chị H yêu cầu được quyền nuôi con chung và chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có

Về C nợ chung: Không có

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, và bổ sung yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 4/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý: Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung: Chấp nhận để chị H được nuôi con, tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét mức cấp dưỡng sao cho phù hợp.

- Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; niêm yết công khai văn bản tố tụng... Tuy nhiên tài liệu trong hồ sơ vụ việc còn thể hiện nhầm lẫn, mâu thuẫn, mặc dù không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án nhưng cần được chấn chỉnh, khắc phục rút kinh nghiệm trong các vụ án khác.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Hà Văn C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Do đó việc tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 BLTTDS 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án: Quá trình chuẩn bị xét xử anh C không hợp tác làm việc với Tòa án và cũng không thể hiện quan điểm của mình trong việc ly hôn.

Nhận thấy, giữa chị H và anh C có mâu thuẫn cuộc sống gia đình do anh C có quan hệ ngoại tình, không chăm lo hạnh phúc gia đình; đã ly thân một thời gian dài, cả hai không còn quan tâm đến nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ điều 51, khoản 1 Điều 56 luật HNGĐ 2014, đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đinh Thị Quý H với anh Hà Văn C.

Về con chung: Chị Đinh Thị Quý H đề nghị tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu HM sinh ngày 23/7/2016 (chưa đủ 7 tuổi), do đó giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu HM. Chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ tuy

nhiên chưa cung cấp được tài liệu chứng minh thu nhập của chị H cũng như của anh C ngoài lời khai của chị H, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định mức cấp dưỡng phù hợp với thực tế tại địa phương.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết

Về án phí: căn cứ Điều 147 BLTTDS 2015; điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị Quý H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về quyền, nghĩa vụ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận C khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa án, do đó không có lời khai và Tòa án không tiến hành tiếp cận C khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết C khai các tài liệu, giấy tờ theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70,72 của BLTTDS nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được quy định tại các Điều 91, 96 của BLTTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đinh Thị Quý H và anh Hà Văn C kết hôn với nhau năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, hôn nhân do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Do đó hôn nhân của chị H, anh C là hợp pháp, được pháp luật C nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau, nhưng đến khoảng cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C hay tụ tập uống rượu say, cờ bạc, có quan hệ trai gái, thường xuyên đi chơi qua đêm không về, đến cuối năm 2019, đầu năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, hai bên đã ly thân từ đó đến nay. Nay thấy tình cảm không còn,

không thể hòa hợp và tiếp tục chung sống nên chị H yêu cầu được ly hôn anh C. Qua xác minh thấy rằng tình trạng hôn nhân như chị H đã trình bày là có căn cứ. HĐXX nhận thấy chị H không còn tình cảm với anh C, hai bên đã ly thân từ năm 2020, không còn quan tâm đến nhau. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Quý H đối với anh Hà Văn C là có căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

Về con chung : Vợ chồng chị H, anh C có một con chung là cháu HM, sinh ngày 23/7/2016. Chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 4/2023 cho đến khi cháu HM đủ 18 tuổi. Do cháu HM từ lâu đã sống chung với mẹ, chị H có công việc và thu nhập ổn định, bản thân anh C ít khi quan tâm đến con chung, xét thấy nguyện vọng của chị H là có căn cứ và phù hợp với điều kiện cụ thể, cần chấp nhận. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, chị H yêu cầu anh C cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng nhưng không chứng minh được C việc cụ thể và thu nhập của anh C nên chưa đủ căn cứ chấp nhận mức đề nghị này. HĐXX xét thấy anh C có hộ khẩu thuộc vùng khó khăn, căn cứ văn bản ngày 20/3/2023 của UBND xã Trung Thành về thu nhập bình quân và ngày C lao động phổ thông tại địa phương thì nên buộc anh C cấp dưỡng cho cháu HM mức 800.000đ/tháng là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về C nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị H và anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Quý H đối với anh Hà Văn C. Xử cho chị Đinh Thị Quý H được ly hôn anh Hà Văn C.

Về con chung: Giao con chung là cháu HM, sinh ngày 23/7/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu HM đủ 18 tuổi hoặc khi có quy định khác của pháp luật. Anh Hà Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) kể từ 01/4/2023 cho đến khi cháu HM đủ 18 tuổi hoặc đến khi pháp luật có quy định khác. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này. Khi có thay đổi, chị H và anh C có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Đinh Thị Quý H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0003739 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình, chị H đã nộp đủ án phí. Anh Hà Văn C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết C khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS Đà Bắc;
- Các đương sự;
- UBND phường TB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Xa Kỳ Tiến.